

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66/2009/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2003/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2003/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, như sau:

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Đưa vào trường giáo dưỡng

1. Đưa vào trường giáo dưỡng là biện pháp xử lý hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) quyết định đối với người chưa thành niên có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này để học văn hoá, giáo dục hướng nghiệp, học nghề, lao động, cai nghiện ma túy, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của trường.

Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là từ sáu tháng đến hai năm.

2. Đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm:

a) Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Bộ luật Hình sự;

b) Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng quy định tại Bộ luật Hình sự mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định;

c) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp vặt, lừa đảo nhỏ, đánh bạc nhỏ, gây rối trật tự công cộng mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định;

d) Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi nghiện ma túy thuộc loại cơn đồ hung hãn, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng; càn quấy, gây gỗ đánh nhau; sử dụng vũ lực hành hung người khác hoặc chống người thi hành công vụ; tổ chức đua xe trái phép từ hai lần trở lên trong mười hai tháng;

đ) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang chấp hành quyết định tại cơ sở chữa bệnh, trong giai đoạn cắt cơn, phục hồi mà có hành vi trộm cắp vặt, lừa đảo nhỏ, đánh bạc nhỏ, sử dụng vũ lực chống người thi hành công vụ, gây rối trật tự tại cơ sở chữa bệnh từ hai lần trở lên trong mười hai tháng.

Căn cứ pháp lý để xác định độ tuổi là Giấy khai sinh. Nếu không có Giấy khai sinh thì phải căn cứ vào Chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu hoặc sổ hộ tịch. Trong trường hợp không có các giấy tờ nêu trên, thì căn cứ vào lời khai và tài liệu có giá trị khác để xác định độ tuổi. Độ tuổi nêu tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều này là độ tuổi khi đối tượng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Nếu vào thời điểm ký quyết định đưa vào trường giáo dưỡng mà người đó đã đủ 18 tuổi trở lên thì không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng mà xem xét, lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục nếu thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp này.

3. Trường hợp người chưa thành niên thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật vừa thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng, vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở chữa bệnh thì cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh. Cơ quan đã thụ lý hồ sơ có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ về người đó cho Hội đồng tư vấn về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh để tiến hành các thủ tục tiếp theo theo quy định của pháp luật.

4. Không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người nước ngoài”.

2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Nguyên tắc áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

1. Mọi hành vi vi phạm được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định này đều phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Người chưa thành niên chỉ bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng nếu thực hiện một trong các hành vi vi phạm pháp luật được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 2 của Nghị định này.

3. Việc áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải bảo đảm đúng người, đúng thủ tục, thẩm quyền quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 (được sửa đổi, bổ sung năm 2008) và các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh nêu trên.

4. Khi quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải căn cứ vào các quy định của pháp luật, tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân của người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hành chính để quyết định cho phù hợp.

5. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng”.

3. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được quy định như sau:

1. Một năm kể từ khi thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Nghị định này.

2. Sáu tháng kể từ khi thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, d, đ hoặc kể từ khi thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 của Nghị định này.

3. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người có hành vi vi phạm cố tình trốn tránh việc truy cứu trách nhiệm hành chính, thì thời gian trốn tránh không được tính và thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính lại kể từ khi người đó ra đầu thú hoặc bị bắt giữ”.

4. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Thành lập và quản lý trường giáo dưỡng

1. Bộ Công an quyết định việc thành lập các trường giáo dưỡng theo khu vực; sáp nhập hoặc giải thể các trường giáo dưỡng. Trong trường hợp địa phương có nhu cầu thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) phải xây dựng đề án cụ thể và đề nghị Bộ Công an thành lập trường giáo dưỡng tại địa phương mình.

Trường giáo dưỡng được quy hoạch, thiết kế, xây dựng theo quy định thống nhất của Bộ Công an, bảo đảm phù hợp với đặc điểm yêu cầu của công tác quản lý, giáo dục, học tập, cai nghiện ma túy, chữa bệnh, dạy nghề, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí cho học sinh và bảo đảm các tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường.

2. Bộ Công an thống nhất quản lý các trường giáo dưỡng trong phạm vi cả nước; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc tổ chức giáo dục, dạy nghề, cai nghiện ma túy, phòng bệnh, chữa bệnh và khám sức khỏe định kỳ cho học sinh trường giáo dưỡng phù hợp với lứa tuổi từ đủ 12 tuổi đến dưới 15 tuổi và từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi”.

5. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Nhiệm vụ của trường giáo dưỡng

1. Trường giáo dưỡng là nơi chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng người chưa thành niên có hành vi vi phạm pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định này.

2. Trường giáo dưỡng có nhiệm vụ tiếp nhận người có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng và quản lý, giáo dục đạo đức, pháp luật, hướng nghiệp, tổ chức cai nghiện ma túy, tuyên truyền, chăm sóc, tư vấn, điều trị cho học sinh bị nhiễm HIV/AIDS, chữa bệnh, dạy văn hoá, dạy nghề, tổ chức lao động, sinh hoạt phù hợp với lứa tuổi của họ nhằm giúp đỡ họ sửa chữa những vi phạm của mình, học tập, rèn luyện tiến bộ, phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần, trí tuệ để trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội.

3. Tổ chức và hoạt động của trường giáo dưỡng phải tuân theo các quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan”.

6. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Trách nhiệm của người được đưa vào trường giáo dưỡng

Người được đưa vào trường giáo dưỡng phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, nội quy của trường giáo dưỡng, chịu sự quản lý, giáo dục của trường giáo dưỡng, phải cai nghiện ma túy (đối với người nghiện ma túy), học tập, rèn luyện, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, hướng dẫn của cán bộ, giáo viên trường giáo dưỡng”.

7. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Kinh phí bảo đảm cho việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng

1. Kinh phí bảo đảm cho đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện, tổ chức hoạt động của trường giáo dưỡng; kinh phí lập hồ sơ, quản lý đối tượng trong thời gian lập hồ sơ, tổ chức đưa người vào trường giáo dưỡng; truy tìm đối tượng bỏ trốn; tổ chức cai nghiện ma túy; điều trị cho học sinh bị nhiễm HIV/AIDS; kinh phí bảo đảm ăn, mặc, ở, học tập, học nghề, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, phòng bệnh, khám, chữa bệnh của học sinh; kinh phí tổ chức đưa học sinh dưới 16 tuổi, học sinh bị ốm khi chấp hành xong quyết định ra trường về địa phương không có thân nhân đến đón do ngân sách trung ương bảo đảm và từ nguồn hỗ trợ của địa phương, các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước; từ kết quả lao động của trường giáo dưỡng. Phần ngân sách trung ương bảo đảm cho việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng được bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công an.

2. Trường giáo dưỡng được trực tiếp nhận sự giúp đỡ về vật chất của Ủy ban nhân dân địa phương; các cơ quan nhà nước; các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước để sử dụng vào việc dạy văn hoá, hướng nghiệp, dạy nghề, mua sắm trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng phục vụ học tập, sinh hoạt, khám, chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy cho người đang chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng”.

8. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Lập hồ sơ đề nghị đưa vào trường giáo dưỡng

1. Đối với người chưa thành niên có hành vi vi phạm pháp luật được quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 2 của Nghị định này cần đưa vào trường giáo dưỡng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi người đó cư trú lập hồ sơ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Hồ sơ đề nghị đưa vào trường giáo dưỡng gồm có:

- a) Bản tóm tắt lý lịch;
- b) Biên bản, tài liệu về các vi phạm pháp luật của người đó;
- c) Kết quả xét nghiệm chất ma túy (đối với người nghiện ma túy);
- d) Bản trích lục tiền án, tiền sự (nếu có);
- đ) Văn bản về các biện pháp giáo dục đã áp dụng;

e) Nhận xét của cơ quan Công an, ý kiến của nhà trường nơi người chưa thành niên học tập, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Ban Lao động - Thương binh và Xã hội ở cấp xã, cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó;

g) Báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Đối với người chưa thành niên không có nơi cư trú nhất định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập biên bản, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trong trường hợp đối tượng do cơ quan Công an cấp tỉnh, cấp huyện trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người vi phạm chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng thì cơ quan Công an đang thụ lý phải xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét duyệt đưa vào trường giáo dưỡng.

Đối với những đối tượng cần đưa vào trường giáo dưỡng thuộc các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Công an cùng cấp tổ chức quản lý chặt chẽ các đối tượng này trong thời gian lập hồ sơ đưa họ vào trường giáo dưỡng. Trường hợp đối tượng không có nơi cư trú nhất định có dấu hiệu bỏ trốn, gây khó khăn cho việc lập hồ sơ đưa vào trường giáo dưỡng thì Trưởng Công an cấp huyện ra quyết định quản lý họ tại Công an cấp huyện trong thời hạn không quá 15 ngày để lập hồ sơ đưa vào trường giáo dưỡng. Thời gian quản lý đối tượng để lập hồ sơ tại cơ quan Công an cấp huyện được tính vào thời hạn chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng.

Chế độ ăn, ở của người có quyết định quản lý tại Công an cấp huyện được hưởng như chế độ ăn, ở của học sinh trong trường giáo dưỡng.

Cơ quan Công an cấp huyện phải bố trí nơi dành riêng cho việc quản lý người đã có quyết định nêu trên trong thời gian họ bị quản lý tại Công an cấp huyện.

Bộ Công an hướng dẫn cụ thể việc quản lý đối tượng và việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào trường giáo dưỡng trong trường hợp nêu trên.

Hồ sơ đề nghị đưa vào trường giáo dưỡng thuộc các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này gồm có:

- a) Bản tóm tắt lý lịch;
- b) Biên bản, tài liệu về các vi phạm pháp luật của người đó;



- c) Kết quả xét nghiệm chất ma túy (đối với người nghiện ma túy);
- d) Bản trích lục tiền án, tiền sự (nếu có);
- đ) Văn bản về biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có);

e) Báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên có hành vi vi phạm pháp luật đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

3. Cơ quan Công an có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị đưa người vào trường giáo dưỡng.

4. Trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh, trong giai đoạn cắt cơn, phục hồi mà có hành vi trộm cắp vặt, lừa đảo nhỏ, đánh bạc nhỏ, sử dụng vũ lực chống người thi hành công vụ, gây rối trật tự tại cơ sở chữa bệnh từ hai lần trở lên trong mười hai tháng, thì Giám đốc cơ sở chữa bệnh có trách nhiệm lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh để xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo thủ tục chung quy định tại khoản 5 Điều 9 và các Điều 10, 13, 14 Nghị định này.

Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc trường hợp nêu tại khoản 4 Điều này, gồm có:

- a) Toàn bộ hồ sơ khi đưa vào cơ sở chữa bệnh;
- b) Tài liệu về các vi phạm pháp luật của người đó trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở chữa bệnh (các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến hành vi vi phạm của đối tượng, biên bản về hành vi vi phạm trong giai đoạn cắt cơn, phục hồi);
- c) Văn bản về các biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có);
- d) Giấy khám sức khỏe của người đó;
- đ) Báo cáo của cơ sở chữa bệnh đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng;
- e) Các tài liệu khác liên quan đến việc đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người đó (nếu có).

Trong thời gian xét duyệt hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đối tượng vẫn phải chấp hành quyết định tại cơ sở chữa bệnh.

5. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hoặc biên bản quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 4 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho Trưởng Công an cùng cấp. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Công an cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra, thu thập tài liệu, hoàn chỉnh hồ sơ và gửi hồ sơ đến các thành viên Hội đồng tư vấn. Hồ sơ cũng được gửi cho thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện”.

9. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Hội đồng tư vấn về việc đưa vào trường giáo dưỡng

1. Hội đồng tư vấn về việc đưa vào trường giáo dưỡng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập để giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét duyệt hồ sơ đưa đối tượng vào trường giáo dưỡng. Hội đồng tư vấn gồm Trưởng Công an, Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; Trưởng Công an là thường trực Hội đồng tư vấn. Thành viên của Hội đồng tư vấn làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cấp kinh phí cho Hội đồng tư vấn hoạt động.

2. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng tư vấn có trách nhiệm xem xét hồ sơ và tổ chức cuộc họp để xét duyệt hồ sơ.

3. Thường trực Hội đồng tư vấn có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu, tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng tư vấn. Hội đồng tư vấn làm việc theo chế độ tập thể, họp, xét duyệt và biểu quyết từng đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng. Căn cứ vào các ý kiến và số phiếu biểu quyết của các thành viên trong cuộc họp Hội đồng tư vấn, thường trực Hội đồng tư vấn kết luận theo đa số phiếu về từng đối tượng. Cuộc họp của Hội đồng tư vấn phải được ghi biên bản. Các ý kiến khác nhau phải được ghi vào biên bản cuộc họp gửi kèm theo báo cáo do thường trực Hội đồng tư vấn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Đại diện thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện được mời tham dự phiên họp của Hội đồng tư vấn. Ý kiến phát biểu của đại diện thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện được ghi vào biên bản cuộc họp nêu tại khoản 3 Điều này, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện”.

10. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 13. Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng

1. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Hội đồng tư vấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định việc đưa vào trường giáo dưỡng.

Đối với trường hợp người đang chấp hành quyết định tại cơ sở chữa bệnh, trước khi ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định đình chỉ việc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với người đó.

2. Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và phải được gửi ngay cho người bị đưa vào trường giáo dưỡng, cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó, cơ quan Công an cấp huyện, Hội đồng nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, cơ sở chữa bệnh đối với trường hợp đối tượng bị đưa vào trường giáo dưỡng là người đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh”.

11. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 15. Thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng

1. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan Công an cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với gia đình hoặc người giám hộ đưa người phải chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng.

2. Khi nhận được quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Công an cùng cấp có kế hoạch quản lý, giám sát người được đưa vào trường giáo dưỡng, đồng thời phối hợp với cơ quan Công an cấp huyện trong việc tổ chức thi hành quyết định.

Trường hợp cần phải có thời gian để tiến hành các thủ tục cần thiết trước khi đưa người có quyết định vào trường giáo dưỡng và tổ chức đưa họ đến trường giáo dưỡng thì Trưởng Công an cấp huyện ra quyết định quản lý họ tại cơ quan Công an cấp huyện trong thời hạn không quá mười ngày. Thời gian quản lý họ tại cơ quan Công an cấp huyện được tính vào thời hạn chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng.

Chế độ ăn, ở của người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trong thời gian bị quản lý tại Công an cấp huyện được hưởng như chế độ ăn, ở của học sinh trong trường giáo dưỡng.

Cơ quan Công an cấp huyện phải bố trí nơi dành riêng cho việc quản lý người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trong thời gian họ bị quản lý tại Công an cấp huyện.

3. Đối với trường hợp người đang chấp hành quyết định tại cơ sở chữa bệnh có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đưa vào trường giáo dưỡng, cơ quan Công an cấp huyện nơi xét duyệt hồ sơ đề nghị đưa vào trường giáo dưỡng có trách nhiệm chuyển người đó từ cơ sở chữa bệnh đến trường giáo dưỡng.

4. Thời hạn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng được tính từ ngày người phải chấp hành quyết định được đưa đi trường giáo dưỡng”.

12. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 18. Hồ sơ, thủ tục kèm theo khi đưa người đã có quyết định vào trường giáo dưỡng

1. Khi đưa người vào trường giáo dưỡng phải có hồ sơ kèm theo. Hồ sơ gồm có:

- a) Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng;
- b) Bản tóm tắt lý lịch và hành vi vi phạm pháp luật của người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng;
- c) Danh bản của người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng;
- d) Bản sao các quyết định giáo dục đã áp dụng (nếu có);
- đ) Các quyết định quản lý tại Công an cấp huyện (nếu có);
- e) Những tài liệu khác liên quan đến nhân thân của người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (nếu có).

2. Khi giao, nhận người có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng phải lập biên bản giao nhận. Trường giáo dưỡng phải đối chiếu, kiểm tra người được giao nhận với hồ sơ và lập biên bản giao nhận ghi rõ những tài liệu có trong hồ sơ, tình trạng sức khỏe hiện tại của người được giao nhận; tư trang, đồ dùng cá nhân mang theo và những vấn đề khác có liên quan đến việc giao nhận đối tượng.

3. Người đang chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng tại trường giáo dưỡng được gọi là học sinh”.

13. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 19. Truy tìm người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trong trường hợp bỏ trốn

1. Trong trường hợp người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng bỏ trốn trước khi được đưa vào trường giáo dưỡng, thì Trưởng Công an cấp huyện nơi người đó cư trú ra quyết định truy tìm đối tượng. Đối với người không có nơi cư trú nhất định thì Trưởng Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ ra quyết định truy tìm.

2. Trong trường hợp người đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng bỏ trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra quyết định truy tìm đối tượng. Thời gian trốn khỏi trường giáo dưỡng không được tính vào thời gian thi hành quyết định.

3. Cơ quan Công an cấp huyện hoặc trường giáo dưỡng đã ra quyết định truy tìm có trách nhiệm tổ chức truy tìm, bắt giữ đối tượng bỏ trốn. Khi bắt giữ mà đối tượng có hành vi chống đối thì được áp dụng những biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Công an để buộc đối tượng phải chấp hành.

4. Ủy ban nhân dân và cơ quan Công an các cấp có trách nhiệm phối hợp, giúp các cơ quan nêu tại khoản 3 Điều này trong việc truy tìm, bắt giữ đối tượng bỏ trốn.

Khi phát hiện đối tượng có quyết định truy tìm, mọi người có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất hoặc bắt và dẫn giải ngay đối tượng đến các cơ quan nêu trên.

5. Khi bắt được đối tượng bỏ trốn hoặc nhận bàn giao đối tượng, cơ quan Công an phải lập biên bản, lấy lời khai của người đó, đồng thời thông báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định truy tìm biết để đến nhận đối tượng. Trường hợp cần thiết thì người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ra quyết định tạm giữ hành chính và đưa họ về nơi tạm giữ hành chính của cơ quan Công an. Nghiêm cấm việc tạm giữ đối tượng trong các phong tạm giữ, tạm giam hình sự hoặc những nơi không bảo đảm vệ sinh, an toàn cho người bị tạm giữ.

Khi nhận được thông báo, cơ quan đã ra quyết định truy tìm phải cử người đến ngay nơi đang tạm giữ đối tượng để nhận và đưa họ vào trường giáo dưỡng. Việc giao nhận đối tượng phải lập biên bản theo đúng quy định của pháp luật.

6. Đối với người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, nhưng chưa chấp hành mà bỏ trốn, nếu khi bắt lại mà người đó đã đủ 18 tuổi trở lên thì Trưởng Công an cấp huyện nơi đã lập hồ sơ đề nghị đưa vào trường giáo dưỡng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp huỷ quyết định đưa vào trường giáo dưỡng và lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục theo đúng trình tự, thủ tục đưa vào cơ sở giáo dục. Trưởng Công an cấp huyện có trách nhiệm tổ chức quản lý chặt chẽ đối tượng tại Công an cấp huyện trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục.

Đối với học sinh đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng mà bỏ trốn, nếu khi bắt lại mà người đó đã đủ 18 tuổi trở lên thì Trưởng Công an cấp huyện nơi đã lập hồ sơ đề nghị đưa vào trường giáo dưỡng phối hợp với Hiệu trưởng trường giáo dưỡng nơi học sinh bỏ trốn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp huỷ quyết định đưa vào trường giáo dưỡng và lập hồ sơ đề

ngộ đưa vào cơ sở giáo dục theo đúng trình tự, thủ tục đưa vào cơ sở giáo dục. Trưởng Công an cấp huyện có trách nhiệm quản lý chặt chẽ đối tượng tại Công an cấp huyện trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục. Cơ quan Công an cấp tỉnh có trách nhiệm đưa người đã có quyết định vào cơ sở giáo dục”.

14. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 21. Tổ chức, bộ máy trường giáo dưỡng

1. Tổ chức, bộ máy trường giáo dưỡng gồm có Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng, Trưởng phân hiệu, Phó trưởng phân hiệu, Đội trưởng, Đội phó các Đội chuyên môn, nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ vũ trang bảo vệ và công nhân viên.

2. Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng phân hiệu, Phó trưởng phân hiệu, Đội trưởng, Đội phó; tổ chức, bộ máy và biên chế của trường giáo dưỡng.

3. Quy mô mỗi trường giáo dưỡng được quản lý từ 500 đến 1.500 học sinh. Căn cứ vào tình hình và điều kiện cụ thể, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định quy mô của từng trường và địa điểm xây dựng trường giáo dưỡng. Trường giáo dưỡng có trên 1.000 học sinh có thể thành lập các phân hiệu theo quy định của Bộ Công an.

Nếu số học sinh vượt quá quy mô của trường hoặc vì lý do chính đáng, cần thiết khác mà phải điều chuyển học sinh từ trường giáo dưỡng này sang trường giáo dưỡng khác thì Cục trưởng Cục Quản lý trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng ra quyết định điều chuyển theo quy định của Bộ Công an. Quyết định điều chuyển phải được gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học sinh cư trú, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh”.

15. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 23. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng phân hiệu trường giáo dưỡng

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng phân hiệu trường giáo dưỡng phải là người tốt nghiệp một trong các trường: Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân, Đại học Luật, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn hoặc Đại học Sư phạm; có kinh nghiệm quản lý, giáo dục học sinh; có phẩm

chất chính trị tốt; có ý thức tổ chức kỷ luật; hiểu biết chuyên môn, nghiệp vụ và pháp luật. Đối với trường hợp Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng phân hiệu trường giáo dưỡng tốt nghiệp Đại học Luật, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Sư phạm, thì trong thời hạn một năm, kể từ khi được bổ nhiệm, phải được học nghiệp vụ an ninh hoặc cảnh sát”.

16. Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 24. Tiêu chuẩn của Phó trưởng phân hiệu, Đội trưởng, Đội phó, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân viên trường giáo dưỡng

1. Phó trưởng phân hiệu, Đội trưởng, Đội phó, sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ và sĩ quan vũ trang bảo vệ phải là người đã tốt nghiệp Trung học An ninh; Trung học Cảnh sát hoặc tương đương trở lên.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật phải là người đã tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp trở lên thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình được giao thực hiện.

3. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ làm nhiệm vụ quản lý, dẫn giải học sinh, bảo vệ phải là người đã được đào tạo, huấn luyện về nghiệp vụ công tác bảo vệ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

4. Công nhân viên phải là người được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về lĩnh vực chuyên môn mà mình được giao thực hiện.

5. Những cán bộ là giáo viên của trường giáo dưỡng được hưởng các chế độ ưu đãi, phụ cấp khác dành cho cán bộ giáo dục và được phong các danh hiệu theo quy định chung của Nhà nước đối với các nhà giáo”.

17. Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 27. Chế độ ăn của học sinh

1. Tiêu chuẩn ăn của mỗi học sinh trong một tháng quy định như sau:

- a) Gạo 17 kg;
- b) Thịt 01 kg;
- c) Cá 01 kg;
- d) Đường 0,5 kg;

- d) Nước mắm 1 lít;
- e) Bột ngọt 0,1 kg;
- g) Muối 0,8 kg;
- h) Rau xanh 15 kg;
- i) Chất đốt tương đương 15 kg than.

2. Ngày lễ, Tết dương lịch học sinh được ăn thêm không quá 3 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán học sinh được ăn thêm không quá 5 lần tiêu chuẩn ăn của ngày thường. Các tiêu chuẩn ăn được tính theo giá thị trường của từng địa phương.

3. Chế độ ăn đối với học sinh ốm đau do y sĩ hoặc bác sĩ chỉ định.

4. Nguồn nước để sử dụng vào việc ăn, uống và sinh hoạt của học sinh phải là nguồn nước sạch theo quy định của ngành y tế. Trường giáo dục phải bảo đảm tiêu chuẩn ăn tối thiểu của học sinh theo đúng quy định của pháp luật và bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm”.

18. Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 28. Chế độ mặc và đồ dùng sinh hoạt của học sinh

1. Mỗi năm, mỗi học sinh được cấp 2 bộ quần áo dài, 2 bộ quần áo lót, 1 bộ quần áo dài đồng phục, 3 khăn mặt, 2 đôi dép nhựa, 3 bàn chải đánh răng, 1 áo mưa nilông, 1 mũ cứng; 1 mũ vải; đối với học sinh ở các trường giáo dục phía Bắc, mỗi học sinh được cấp thêm 1 áo ấm, 2 đôi tất và 1 mũ len trong 1 năm. Mỗi quý, mỗi học sinh được cấp 1 tuýp kem đánh răng 150 g loại thông thường, 1 kg xà phòng, 1 lọ nước gội đầu 200 ml loại thông thường.

2. Đối với các trường giáo dục phía Nam, mỗi học sinh được cấp một tấm đắp. Đối với các trường giáo dục ở phía Bắc, mỗi học sinh được cấp một chăn bông 2 kg, có vỏ. Màn, chăn bông, tấm đắp hai năm được cấp một lần. Mỗi năm, mỗi học sinh được cấp hai chiếc chiếu.

3. Học sinh được mang vào trường giáo dục những đồ dùng cá nhân thiết yếu để sử dụng theo quy định của Bộ Công an.

4. Học sinh nữ được cấp thêm mỗi tháng một khoản tiền tương đương với 3 kg gạo tẻ loại thường tính theo giá thị trường của từng địa phương để mua những đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân”.

19. Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 30. Chế độ học tập của học sinh

1. Học sinh trường giáo dưỡng được học văn hoá theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc học văn hoá đối với học sinh chưa phổ cập giáo dục là bắt buộc. Đối với những học sinh khác thì tùy theo khả năng và điều kiện thực tế của trường mà tổ chức học tập. Đối với học sinh trường giáo dưỡng, trước khi vào trường đã bỏ học, không có hồ sơ, học bạ thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phối hợp với Phòng giáo vụ cấp huyện nơi trường giáo dưỡng đóng tổ chức kiểm tra kiến thức hai môn văn và toán bằng hình thức kiểm tra viết. Căn cứ vào kết quả kiểm tra kiến thức, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quyết định xếp lớp học văn hoá cho phù hợp. Quyết định này thay cho học bạ những năm trước đã mất để xét tốt nghiệp cho học sinh.

Ngoài việc học văn hoá, học sinh phải được học tập chương trình giáo dục công dân, giáo dục hướng nghiệp, học nghề và các chương trình giáo dục khác do Bộ Công an quy định. Kinh phí chi cho việc dạy - học nghề của mỗi học sinh hàng tháng tương đương với 5kg gạo tính theo giá thị trường của từng địa phương.

2. Kinh phí dùng cho việc mua sắm sách, vở, đồ dùng học tập cho mỗi học sinh hàng tháng tương đương với 7 kg gạo tẻ loại thường tính theo giá thị trường của từng địa phương.

3. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức cho học sinh thi học kỳ, kết thúc năm học, chuyển cấp, thi tuyển chọn học sinh giỏi, thi vào lớp chuyên và cấp chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình học cho học sinh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Sổ điểm, học bạ, hồ sơ và các biểu mẫu liên quan đến việc giảng dạy và học tập ở trường giáo dưỡng phải theo mẫu chung thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Công an.

5. Văn bằng, chứng chỉ học văn hoá, học nghề trong các trường giáo dưỡng có giá trị như văn bằng, chứng chỉ của các trường phổ thông”.

20. Điều 33 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 33. Chế độ sinh hoạt của học sinh

1. Ngoài giờ học văn hoá, học nghề, lao động, trường giáo dưỡng phải tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác cho học sinh.

2. Mỗi trường giáo dưỡng được thành lập một thư viện, mỗi phân hiệu của trường được thành lập một phòng đọc sách, báo, khu vui chơi, nhà luyện tập thể dục, thể thao, sân thể thao để học sinh rèn luyện thể lực; được trang bị hệ thống truyền thanh, truyền hình cáp nội bộ. Mỗi phòng ở tập thể được trang bị một vô tuyến truyền hình màu 21 inches, được phát một tờ báo thanh niên và một báo hoa học trò”.

21. Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 34. Chế độ khám bệnh, chữa bệnh cho học sinh và việc tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng

1. Trường giáo dưỡng phải định kỳ tổ chức khám sức khoẻ cho tất cả học sinh sáu tháng một lần và thường xuyên có biện pháp đề phòng dịch bệnh; thực hiện các biện pháp cai nghiện ma tuý, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm cho học sinh. Tiền thuốc khám, chữa bệnh hàng tháng cho mỗi học sinh được cấp tương đương với 4 kg gạo tẻ loại thường tính theo giá thị trường của từng địa phương. Kinh phí tổ chức cai nghiện ma tuý, điều trị HIV/AIDS cho học sinh theo định mức kinh phí như Nhà nước cấp cho các Trung tâm cai nghiện ma tuý, trên cơ sở đề nghị của Bộ Công an.

2. Học sinh bị ốm được điều trị tại cơ sở y tế của trường giáo dưỡng. Trường hợp học sinh bị ốm nặng vượt quá khả năng điều trị tại cơ sở y tế của trường giáo dưỡng thì đưa đi bệnh viện điều trị, nếu gia đình có đơn bảo lãnh xin đưa về gia đình điều trị, thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải báo cáo, đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng.

Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Cục trưởng Cục Quản lý trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng có trách nhiệm xem xét, ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng.

Trường hợp học sinh được tạm đình chỉ để đưa về gia đình điều trị, thì gia đình phải chi trả toàn bộ kinh phí khám, chữa bệnh cho học sinh.

3. Trường hợp học sinh ốm nặng phải đưa đến bệnh viện điều trị lâu dài, thì trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày đưa học sinh đến bệnh viện, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải báo cáo Cục trưởng Cục Quản lý trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng biết. Kinh phí khám, chữa bệnh cho học sinh do ngân sách nhà nước cấp. Trường giáo dưỡng trực tiếp thanh toán tiền viện phí cho bệnh viện nơi học sinh được chuyển đến để điều trị. Trong thời gian học sinh điều trị tại bệnh viện, trường giáo dưỡng có trách nhiệm chăm sóc học sinh, nếu học sinh có gia đình thì phối hợp với gia đình chăm sóc họ; trường giáo dưỡng có trách nhiệm quản lý chặt chẽ, không để học sinh có điều kiện trốn hoặc vi phạm pháp luật.

Trường hợp học sinh có biểu hiện không bình thường về thần kinh thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng có văn bản gửi Bệnh viện tâm thần trung ương theo khu vực, đồng thời, cử cán bộ đưa học sinh đến để giám định tâm thần. Các bệnh viện tâm thần trung ương theo khu vực có trách nhiệm giám định cho học sinh theo đề nghị của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng và có kết luận bằng văn bản gửi Hiệu trưởng trường giáo dưỡng để làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

Thời gian học sinh điều trị bệnh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được tính vào thời gian thi hành quyết định. Một ngày điều trị bệnh được tính bằng một ngày chấp hành quyết định. Nếu sau khi sức khỏe được phục hồi mà thời hạn chấp hành quyết định còn lại từ sáu tháng trở lên thì học sinh phải tiếp tục chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng. Nếu thời gian còn lại dưới sáu tháng, thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng báo cáo đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng xem xét, ra quyết định miễn chấp hành phần thời gian còn lại cho học sinh đó.

4. Đối với trường hợp học sinh mắc bệnh hiểm nghèo hoặc phụ nữ có thai thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị xét miễn của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Cục trưởng Cục Quản lý trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng có trách nhiệm xem xét và ra quyết định miễn chấp hành phần thời gian còn lại cho học sinh đó.

5. Các quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này được gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập hồ sơ và học sinh được tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại”.

22. Điều 35 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 35. Giải quyết trường hợp học sinh bị chết

1. Khi có học sinh bị chết, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải báo ngay cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ sở y tế gần nhất đến lập biên bản xác định nguyên nhân chết, có học sinh của trường giáo dưỡng làm chứng và làm thủ tục khai tử với chính quyền địa phương. Sau đó, phải gửi giấy chứng tử cho thân nhân học sinh bị chết biết và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định đưa người đó vào trường giáo dưỡng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập hồ sơ đề nghị đưa người đó vào trường giáo dưỡng.

Trường hợp học sinh bị chết khi đang điều trị tại cơ sở y tế nhà nước từ cấp huyện trở lên thì cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo và gửi giấy chứng tử cho trường giáo dưỡng.

2. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi làm xong các thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức mai táng tử thi, gửi giấy báo tử cho thân nhân học sinh bị chết và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học sinh cư trú. Kinh phí mai táng do ngân sách nhà nước cấp.

3. Trong trường hợp thân nhân người chết có đơn đề nghị đưa tử thi về mai táng hoặc đề nghị được đưa hài cốt đã được địa táng từ đủ 3 năm trở lên về mai táng, thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng có thể xem xét, quyết định cho thân nhân người chết đưa tử thi hoặc hài cốt về mai táng. Đơn đề nghị đưa tử thi hoặc hài cốt về mai táng phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và phải cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường”.

23. Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 36. Chế độ thăm gặp người thân; nhận, gửi thư, nhận tiền, quà

1. Học sinh được gặp người thân tại nhà đón tiếp của trường giáo dưỡng, được liên lạc với thân nhân bằng điện thoại và phải chấp hành đúng những quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Công an về thăm gặp và liên lạc bằng điện thoại.

2. Người đến thăm học sinh phải xuất trình Chứng minh nhân dân và đơn xin thăm có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc đơn vị nơi công tác của mình. Trường hợp ngủ lại qua đêm tại trường giáo dưỡng phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng.

3. Học sinh được nhận và gửi thư, nhận tiền, quà (trừ rượu bia, thuốc lá, các chất kích thích, đồ vật và các loại văn hoá phẩm bị cấm). Trường giáo dưỡng có trách nhiệm kiểm tra thư, giám sát nội dung các cuộc nói chuyện điện thoại và các gói quà trước khi trao cho học sinh. Riêng tiền hoặc giấy tờ có giá, học sinh phải gửi vào bộ phận lưu ký của trường giáo dưỡng và được sử dụng theo quy định của Bộ Công an”.

24. Điều 44 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 44. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Thống nhất quản lý các trường giáo dưỡng và tổ chức chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương, các trường giáo dưỡng trong phạm vi cả nước thực hiện biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Ban hành các văn bản hướng dẫn, nội quy trường giáo dưỡng, các biểu mẫu cần thiết để tổ chức thực hiện biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

3. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, bảo đảm cho các hoạt động đó theo đúng quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành khác có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội để thực hiện tốt biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng”.

25. Điều 46 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn việc phòng, chống dịch bệnh, khám, chữa bệnh và khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; hướng dẫn thủ tục xác định người nghiện ma túy và phương pháp cai nghiện ma túy.

2. Chỉ đạo việc hỗ trợ về người, chuyên môn kỹ thuật y tế để cai nghiện ma túy cho học sinh trường giáo dưỡng”.

26. Điều 48 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chỉ đạo các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện phối hợp với cơ quan Công an thực hiện tốt việc xét duyệt hồ sơ đề nghị đưa vào trường giáo dưỡng; chỉ đạo các cơ sở chữa bệnh thực hiện tốt việc xét duyệt hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với đối tượng đang chấp hành quyết định tại cơ sở chữa bệnh có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định chung.

2. Phối hợp với Bộ Công an trong việc xây dựng chương trình giáo dục hướng nghiệp, hướng dẫn việc tổ chức dạy nghề; quan tâm đến đời sống tinh thần và vật chất cho học sinh, hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện học nghề cho học sinh, giúp đỡ các trường giáo dưỡng thực hiện tốt các quyền trẻ em trong thời gian ở trường; giúp đỡ các em ổn định cuộc sống, giới thiệu việc làm cho học sinh sau khi ra trường”.

27. Điều 52 được sửa đổi như sau:

“Điều 52. Hướng dẫn thi hành

Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định này”.

Điều 2. Bãi bỏ Điều 49 quy định về trách nhiệm của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2009.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b). A. 290

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng